Phụ lục 4

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 VÀ KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025 (BAO GỒM KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2024 VỀ TRƯỚC ĐƯỢC PHÉP KÉO DÀI SANG NĂM 2025) THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI CỦA TỈNH QUẢNG NGÃI (MỚI) TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG NGÃI (CŨ)

Nguồn vốn: ngân sách trung ương và ngân sách địa phương

(Kèm theo Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 22/8/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Chủ đầu tư/đầu mối giao kế hoạch	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 và kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 (bao gồm vốn năm 2024 về trước kéo dài sang năm 2025) sau điều chỉnh												Ghi chú
		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch vốn năm 2025 (bao gồm vốn kéo dài từ năm 2024 về trước kéo dài sang năm 2025)								
						Kế hoạch vốn năm 2025				Kế hoạch vốn năm 2024 về trước được phép kéo dài sang năm 2025				
		Tổng vốn	Trong đó:			Tổng vốn	Trong đó:			Tổng vốn	Trong đó:			
			NSTW	NSĐP bao gồm:			NSTW	NSĐP bao gồm:			NSTW	NSĐP bao gồm:		
				NST	NSH			NST	NSH			NST	NSH	
	TỔNG CỘNG	**654,098**	**569,803**	**56,324**	**27,971**	**162,362**	**140,986**	**13,797**	**7,579**	**50,549.93**	**43,505.39**	**6,527.15**	**517.39**	
I	**Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt**	**187,894**	**163,326**	**16,400**	**8,168**	**53,288**	**45,273**	**4,528**	**3,487**	**20,349**	**17,952**	**2,119**	**278**	
1	Xã Sơn Linh	20,254	17,615	1,759	880	4,048	3,520	352	176	61	0	61	0	
2	Xã Sơn Thủy	11,846	10,299	1,031	516	2,714	2,360	236	118	0	0	0	0	
3	Xã Sơn Kỳ	5,306	4,613	462	231	1,426	1,240	124	62	0	0	0	0	
4	Xã Sơn Hà	6,826	5,933	594	299	1,593	1,382	139	72	0	0	0	0	
5	Xã Sơn Hạ	8,065	7,013	701	351	2,070	1,800	180	90	0	0	0	0	
6	Xã Sơn Tây Thượng	12,317	10,810	1,080	427	0	0	0	0	4,813	4,232	388	194	
7	Xã Sơn Tây	12,325	10,871	1,087	368	1,247	1,170	77	0	1,116	912	165	39	
8	Xã Sơn Tây Hạ	7,948	6,995	700	253	136	87	49	0	500	443	12	45	
9	Xã Cà Đam	6,118	5,320	532	266	1,260	1,000	100	160	484	440	44	0	
10	Xã Đông Trà Bồng	1,668	1,450	145	73	20	0	0	20	0	0	0	0	
11	Xã Trà Bồng	15,552	13,524	1,352	676	4,889	3,920	392	577	2,678	2,435	244	0	
12	Xã Thanh Bồng	18,757	16,310	1,631	816	6,954	5,680	568	706	4,175	3,786	389	0	
13	Xã Tây Trà Bồng	15,445	13,430	1,343	672	4,936	4,120	412	404	2,612	2,400	212	0	
14	Xã Tây Trà	17,756	15,440	1,544	772	8,033	6,601	660	772	3,431	2,875	556	0	
15	Xã Đặng Thùy Trâm	45	39	4	2					0.00				
16	Xã Ba Động	537	468	46	23					0.00				
17	Xã Ba Vinh	2,224	1,932	195	97					0.00				
18	Xã Ba Tô	1,540	1,326	136	78	0	0	0	0	125	113	12	0	
19	Xã Ba Tơ	948	819	86	43	0	0	0	0	58	51	7	0	
20	Xã Ba Dinh	1,615	1,232	188	195	0	0	0	0	183	156	27	0	
21	Xã Ba Vì	840	739	67	34	0	0	0	0	66	66	0	0	
22	Xã Minh Long	1,978	1,720	172	86	322	280	28	14	0	0	0	0	

TT	Chủ đầu tư/đầu mối giao kế hoạch	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 và kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 (bao gồm vốn năm 2024 về trước kéo dài sang năm 2025) sau điều chỉnh												Ghi chú
		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch vốn năm 2025 (bao gồm vốn kéo dài từ năm 2024 về trước kéo dài sang năm 2025)								
						Kế hoạch vốn năm 2025				Kế hoạch vốn năm 2024 về trước được phép kéo dài sang năm 2025				
		Tổng vốn	Trong đó:			Tổng vốn	Trong đó:			Tổng vốn	Trong đó:			
			NSTW	NSĐP bao gồm:			NSTW	NSĐP bao gồm:			NSTW	NSĐP bao gồm:		
				NST	NSH			NST	NSH			NST	NSH	
23	Xã Sơn Mai	920	800	80	40	690	600	60	30	0	0	0	0	
24	Xã Trà Giang	3,971	3,229	325	417	895	551	57	287	15.00	15.00	0.00	0.00	
25	Xã Thiện Tín	717	623	62	32	231	212	19	0	0.00	0.00	0.00	0.00	
26	Chưa phân bổ	12,379	10,778	1,077	524	11,825	10,750	1,075	0	30	28	2	0	
II	**Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết**	**3,253**	**2,910**	**197**	**146**	**12,106**	**11,017**	**1,009**	**80**	**825**	**660**	**132**	**33**	
1	Xã Sơn Linh	865	792	33	40	864	792	33	40	0.00	0.00	0.00	0.00	
2	Xã Sơn Hạ	865	792	33	40	864	792	33	40	0.00	0.00	0.00	0.00	
3	Xã Ba Tô	765	666	66	33	0	0	0	0	66.00	0.00	66.00	0.00	
4	Xã Minh Long	759	660	66	33	0	0			759.00	660.00	66.00	33.00	
5	Chưa phân bổ					10,378	9,434	944		0.00				
III	**Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc**	**419,893**	**365,493**	**36,349**	**18,052**	**95,673**	**83,550**	**8,144**	**3,979**	**28,779**	**24,361**	**4,223**	**194**	
*	***Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi***	***419,893***	***365,493***	***36,349***	***18,052***	***95,673***	***83,550***	***8,144***	***3,979***	***28,779***	***24,361***	***4,223***	***194***	
1	Xã Sơn Hạ	10,462	9,123	875	464	4,105	3,500	350	255	73	62	11	0	
2	Xã Sơn Linh	29,520	25,668	2,567	1,285	8,242	7,168	717	357	0	0	0	0	
3	Xã Sơn Hà	24,301	20,947	2,165	1,190	7,574	6,347	725	503	3	3	0	0	
4	Xã Sơn Thuỷ	35,050	30,478	3,047	1,525	8,801	7,592	759	450	16	0	16	0	
5	Xã Sơn Kỳ	26,061	22,673	2,252	1,136	9,642	8,481	828	333	91	15	76	0	
6	Xã Sơn Tây Thượng	33,491	29,520	2,717	1,255	4,955	4,507	449	0	4,205	3,857	248	100	
7	Xã Sơn Tây Hạ	21,075	18,423	1,856	796	6,558	5,978	580	0	56	50	5	0	
8	Xã Sơn Tây	12,595	10,952	1,095	547	2,066	1,900	166	0	1,737	1,505	141	90	
9	Xã Cà Đam	21,717	18,884	1,889	944	99	0	0	99	1,542	1,266	276	0	
10	Xã Đông Trà Bồng	11,714	10,185	1,019	510	758	580	58	120	311	277	30	4	

TT	Chủ đầu tư/đầu mối giao kế hoạch	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 và kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 (bao gồm vốn năm 2024 về trước kéo dài sang năm 2025) sau điều chỉnh												Ghi chú
		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch vốn năm 2025 (bao gồm vốn kéo dài từ năm 2024 về trước kéo dài sang năm 2025)								
						Kế hoạch vốn năm 2025				Kế hoạch vốn năm 2024 về trước được phép kéo dài sang năm 2025				
		Tổng vốn	Trong đó:			Tổng vốn	Trong đó:			Tổng vốn	Trong đó:			
			NSTW	NSĐP bao gồm:			NSTW	NSĐP bao gồm:			NSTW	NSĐP bao gồm:		
				NST	NSH			NST	NSH			NST	NSH	
11	Xã Trà Bồng	25,816	22,449	2,245	1,122	412	0	0	412	3,655	3,081	574	0	
12	Xã Thanh Bồng	34,374	29,890	2,989	1,494	5,807	5,000	344	463	1,932	1,546	385	0	
13	Xã Tây Trà Bồng	21,080	18,334	1,829	917	2,636	2,261	180	195	353	241	113	0	
14	Xã Tây Trà	31,400	27,306	2,730	1,364	3,017	2,300	155	562	1,281	653	628	0	
15	Xã Ba Vinh	4,819	4,190	420	209	2,039	1,853	186	0	130	47	83	0	
16	Xã Ba Động	7,724	6,718	669	337	2,748	2,487	261	0	1,237	1,079	158	0	
17	Xã Ba Dinh	10,366	9,018	898	450	2,663	2,409	254	0	4,951	4,345	606	0	
18	Xã Ba Tơ	9,953	8,653	865	435	2,653	2,385	268	0	2,365	2,012	353	0	
19	Xã Đặng Thùy Trâm	3,261	2,836	284	141	2,032	1,847	185	0	422	323	99	0	
20	Xã Ba Tô	17,880	15,544	1,556	780	9,818	8,913	905	0	3,399	3,122	277	0	
21	Xã Ba Xa	1,056	918	92	46	1,010	918	92	0	0.00	0.00	0.00	0.00	
22	Xã Ba Vì	5,411	4,710	469	232	1,984	1,804	180	0	1,021	878	143	0	
23	Xã Sơn Mai	5,918	5,151	515	252	1,275	1,109	111	55	0	0	0	0	
24	Xã Minh Long	11,224	9,762	989	473	2,972	2,585	258	129	0	0	0	0	
25	Xã Thiện Tín	3,365	2,925	294	146	1,068	930	92	46	0.00	0.00	0.00	0.00	
26	Chưa phân bổ	259	236	23	0	739	697	42	0	0	0	0	0	
V	**Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực**	**310**	**269**	**26**	**15**	**295**	**269**	**26**	**0**	**0.00**	**0.00**	**0.00**	**0.00**	
*****	***Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số***	***310***	***269***	***26***	***15***	***295***	***269***	***26***	***0***	***0.00***	***0.00***	***0.00***	***0.00***	
1	Xã Sơn Kỳ	310	269	26	15	295	269	26	0	0.00	0.00	0.00	0.00	
VI	**Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch**	**6,383**	**5,625**	**563**	**195**	**1,000**	**877**	**90**	**33**	**597.02**	**532.00**	**53.10**	**11.92**	
1	Xã Sơn Linh	1,062	924	92	46	223	203	20	0	0	0	0	0	
2	Xã Sơn Hà	184	160	16	8	0				0.00				

TT	Chủ đầu tư/đầu mối giao kế hoạch	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 và kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 (bao gồm vốn năm 2024 về trước kéo dài sang năm 2025) sau điều chỉnh												Ghi chú
		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch vốn năm 2025 (bao gồm vốn kéo dài từ năm 2024 về trước kéo dài sang năm 2025)								
						Kế hoạch vốn năm 2025				Kế hoạch vốn năm 2024 về trước được phép kéo dài sang năm 2025				
		Tổng vốn	Trong đó:			Tổng vốn	Trong đó:			Tổng vốn	Trong đó:			
			NSTW	NSĐP bao gồm:			NSTW	NSĐP bao gồm:			NSTW	NSĐP bao gồm:		
				NST	NSH			NST	NSH			NST	NSH	
3	Xã Sơn Thủy	552	480	48	24	0	0	0	0	0	0	0	0	
4	Xã Sơn Kỳ	368	320	32	16	0	0	0	0	0	0	0	0	
5	Xã Sơn Tây	1,041	943	92	6	171	158	13	0	281	250	25	6	
6	Xã Sơn Tây Hạ	1,454	1,300	133	21	298	268	30	0	316	282	28	6	
7	Xã Minh Long	185	161	16	8	0	0	0	0	0.00	0.00	0.00	0.00	
8	Xã Sơn Mai	1,044	907	92	45	308	248	27	33	0	0	0	0	
9	Xã Thiện Tín	494	430	42	22	0	0	0	0	0.00	0.00	0.00	0.00	
VII	**Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình**	**36,364**	**32,180**	**2,789**	**1,395**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0.00**	**0.00**	**0.00**	**0.00**	
*	***Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi***	***36,364***	***32,180***	***2,789***	***1,395***	***0***				***0.0***				
1	Chưa phân bổ	36,364	32,180	2,789	1,395	0				0.0				

TT	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 và kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 (bao gồm vốn năm 2024 về trước kéo dài sang năm 2025) sau điều chỉnh												Ghi chú
	Chủ đầu tư/đầu mối giao kế hoạch	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch vốn năm 2025 (bao gồm vốn kéo dài từ năm 2024 về trước kéo dài sang năm 2025)								
						Kế hoạch vốn năm 2025				Kế hoạch vốn năm 2024 về trước được phép kéo dài sang năm 2025				
		Tổng vốn	Trong đó:			Tổng vốn	Trong đó:			Tổng vốn	Trong đó:			
			NSTW	NSĐP bao gồm:			NSTW	NSĐP bao gồm:			NSTW	NSĐP bao gồm:		
				NST	NSH			NST	NSH			NST	NSH	